

Bản án số: 134/2022/DS-ST

Ngày: 23/9/2022.

V/v “*Tranh chấp*

Hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

Bà Lê Thị Kim Lệ

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 541/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 598/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N1;

Địa chỉ trụ sở: 2 C, Phường D, Quận C, TP ..

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn H, bà Trần Khánh H1 và ông Đàm Nguyễn Trí N (vắng mặt do có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: Số A A, Phường H, Quận E, TP .

(Giấy ủy quyền số 543/202/UQ-AMC ngày 10/8/2022)

- Bị đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1997 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: 1 Xóm C, Phường A, Quận D, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/10/2018, bà Lê Thị Đ đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N1, các tài liệu này gọi chung là hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng TMCP N1.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà Lê Thị Đ đã vi phạm nghĩa

vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà Đ trả nợ, nhưng bà Đ vẫn không thực hiện, không có thiện chí giải quyết nợ vay tín dụng với ngân hàng.

Do bà Lê Thị Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 12 của các Bản điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N1), ngày 24/7/2020 Ngân hàng TMCP N1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 10 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N1).

Tổng số tiền bà Lê Thị Đ còn nợ Ngân hàng TMCP N1 tính đến ngày 23/9/2022 là: 22.269.043 đồng, trong đó: Thẻ tín dụng có số khế ước 3000047449900010 có tổng nợ gốc là 4.420.810 đồng, tổng nợ lãi là 14.224.413 đồng, tổng cộng là 18.645.223 đồng; Thẻ tín dụng có số khế ước 7000047449900030 có tổng nợ gốc là 613.340 đồng, tổng nợ lãi là 3.010.480 đồng, tổng cộng là 3.625.820 đồng.

Ngân hàng TMCP N1 đề nghị Tòa án tuyên buộc bà Lê Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N1 toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP N1 và bà Lê Thị Đ tổng số tiền tính đến ngày 23/9/2022 là 22.269.043 đồng, trong đó: Thẻ tín dụng có số khế ước 3000047449900010 có tổng nợ gốc là 4.420.810 đồng, tổng nợ lãi là 14.224.413 đồng, tổng cộng là 18.645.223 đồng; Thẻ tín dụng có số khế ước 7000047449900030 có tổng nợ gốc là 613.340 đồng, tổng nợ lãi là 3.010.480 đồng, tổng cộng là 3.625.820 đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà Lê Thị Đ vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị Đ vẫn không trả nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký thì Ngân hàng TMCP N1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cũng như quy định pháp luật.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, để thực hiện việc tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt do có đơn yêu cầu vắng mặt, nhưng vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, cần được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét việc khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ và bị đơn có nơi cư trú tại Quận D, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Xét đề nghị của nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bà Lê Thị Đ có trách nhiệm trả khoản nợ, không yêu cầu đưa thêm người vào tham gia tố tụng là tự nguyện và không trái pháp luật nên chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

Đối với số tiền nợ gốc và lãi:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định ngày 30/10/2018, bà Lê Thị Đ đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N1, các tài liệu này gọi chung là hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng TMCP N1.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà Lê Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Ngày 24/7/2020 Ngân hàng TMCP N1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của bà Đ sang nợ quá hạn (Điều 10 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N1.

Tổng số tiền bà Lê Thị Đ còn nợ Ngân hàng TMCP N1 tính đến ngày 23/9/2022 là: 22.269.043 đồng, trong đó: Thẻ tín dụng có số khế ước 3000047449900010 có tổng nợ gốc là 4.420.810 đồng, tổng nợ lãi là 14.224.413 đồng, tổng cộng là 18.645.223 đồng; Thẻ tín dụng có số khế ước 7000047449900030 có tổng nợ gốc là 613.340 đồng, tổng nợ lãi là 3.010.480 đồng, tổng cộng là 3.625.820 đồng.

Xét việc thỏa thuận giữa các bên là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Bà Lê Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận

theo Hợp đồng mà các bên đã ký kết. Cho nên, Ngân hàng yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền nợ là có cơ sở.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 và 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, căn cứ Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Lê Thị Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 số tiền nợ tính đến ngày 23/9/2022 là 22.269.043 đồng (hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn không trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: Thẻ tín dụng có số khế ước 3000047449900010 có tổng nợ gốc là 4.420.810 đồng, tổng nợ lãi là 14.224.413 đồng, tổng cộng là 18.645.223 đồng; Thẻ tín dụng có số khế ước 7000047449900030 có tổng nợ gốc là 613.340 đồng, tổng nợ lãi là 3.010.480 đồng, tổng cộng là 3.625.820 đồng.

Từ ngày 24/9/2022 trở đi, bà Lê Thị Đ phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 90, 91 95 và 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 số tiền nợ tính đến ngày 23/9/2022 là 22.269.043 đồng (hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn không trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: Thẻ tín dụng có số khế ước 3000047449900010 có tổng nợ gốc là 4.420.810 đồng, tổng nợ lãi là 14.224.413 đồng, tổng cộng là 18.645.223 đồng; Thẻ tín dụng có số khế ước 7000047449900030 có tổng nợ gốc là 613.340 đồng, tổng nợ lãi là 3.010.480 đồng, tổng cộng là 3.625.820 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ ký kết ngày 30/10/2018.

Kể từ ngày 24/9/2022 trở đi, bà Lê Thị Đ phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP N1.

Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 1.113.452 (một triệu một trăm mười ba nghìn, bốn trăm năm mươi hai) đồng bà Lê Thị Đ phải nộp.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp là 653.000 (sáu trăm năm mươi ba nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0008716 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tần Quốc Bình